

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN
HỌC BỔNG HK2****Năm 4 Khoa GDTC (năm học 2010 -
2011)****(Danh sách kèm theo quyết định số
1216/QĐ-ĐHSP ngày 14/7/2011)**

STT	Họ và tên	Mã SV	ĐT BH	ĐR L	Mức học bổng	Số tiền
1	Ngu Hồn yễn g Thị Thu	K33 .903 .018	10	100	360,0 00 0	1,80 0,00 0
2	Ngu Phư yễn ong Văn	K33 .903 .040	10	100	360,0 00 0	1,80 0,00 0
3	Huỳnh Việ nh T han h	K33 .903 .071	9.52	92	360,0 00 0	1,80 0,00 0
4	Lê Xuâ Thị n Tha nh	K33 .903 .080	9.52	94	360,0 00 0	1,80 0,00 0
5	Ngu Bảo yễn Văn	K33 .903 .001	9.29	100	360,0 00 0	1,80 0,00 0
6	Lê Mạn Đức h	K33 .903 .022	9.52	84	300,0 00 0	1,50 0,00 0
7	Đào Phư Hoà ong i	K33 .903 .042	9.29	90	360,0 00 0	1,80 0,00 0
8	Ngu Tài yễn Văn	K33 .903 .051	9.29	100	360,0 00 0	1,80 0,00 0
9	Đin Thiế h t Thị Thu	K33 .903 .057	9.52	84	300,0 00 0	1,50 0,00 0
10	Ngu Tú yễn Lâm Ngọ c	K33 .903 .070	9.29	90	360,0 00 0	1,80 0,00 0
11	Ngu Tiế yễn Văn	K33 .905 .068	9.41	98	360,0 00 0	1,80 0,00 0
12	Cao Tuâ Ngọ n	K33 .905	9.71	95	360,0 00 0	1,80 0,00 0

	c	.073		0
13	Phạ Vân K33 9.41 92	360,0	1,80	
	m	.905	00	0,00
	Thị	.080		0
14	Lâm Ba K33 9.41 90	360,0	1,80	
	Văn	.905	00	0,00
	Bé	.006		0
15	Ngu Đình K33 9.41 90	360,0	1,80	
	Yến h	.905	00	0,00
	Hữu	.014		0
16	Lê Quâ K33 9.41 90	360,0	1,80	
	Quốc n	.905	00	0,00
	c	.058		0
17	Ngu Trí K33 9.41 91	360,0	1,80	
	Yến	.905	00	0,00
	Cao	.070		0
18	Lê Tuấ K33 9.41 90	360,0	1,80	
	Xuân	.905	00	0,00
	n	.072		0